

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN MỘT SỐ GIỐNG ĐẬU XANH TRIỂN VỌNG CHO TỈNH NGHỆ AN VÀ HÀ TĨNH

Nguyễn Ngọc Quát¹, Nguyễn Văn Thắng¹,
Nguyễn Thị Chính²

¹*Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm*

²*Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*

SUMMARY

Research and development of some promising mungbean varieties for Nghe An and Ha Tinh

Various promising mungbean varieties were evaluated in the fields in Nghe An and Ha Tinh province in the summer seasons of the year 2011 to 2012. The results showed that in summer seasons, the mungbean varieties take about 56 - 75 days to grow and development. ĐX14 yield were the highest by 20,80 ta/ha in Nghe An and 19,84 ta/ha in Ha Tinh.

Total protein content varies from 21,24% to 24,25%. ĐX14, ĐX17, ĐX22 showed similar content of protein compared to local varieties. ĐX14 presents the highest content of lipid which is 1,26%.

Keywords: mungbean varieties, yield, Nghe An and Hatinh provinces

I. ĐẶT VẤN ĐỀ*

Đậu xanh (*Vigna radiata* (L.) Wilczek) là cây đậu thực phẩm có giá trị kinh tế cao ở ba phương diện: (1) là nguồn cung cấp dinh dưỡng cho con người, hạt đậu xanh giàu protein, hydratcarbon, sắt và axit amin không thay thế. (2) là cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn nên có thể tham gia vào nhiều công thức cây trồng (luân canh, xen canh, gối vụ) góp phần nâng cao giá trị sử dụng đất. (3) là cây có khả năng cải thiện độ phì nhiêu cho đất. Rễ đậu xanh có nhiều nốt sần để lại cho đất khoảng 36 - 70 kg N/ha/năm. Chính vì vậy, đậu xanh đã trở thành cây đậu đỡ quan trọng của nhiều nước trên thế giới như Thái Lan, Philippine, Srilanca, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia,....

Ở Việt Nam, cây đậu xanh được trồng rải rác ở hầu hết các vùng sinh thái trong cả nước. Đậu xanh là một trong ba cây đậu đỡ chính đứng sau lạc và đậu tương. Sản phẩm hạt đậu xanh được chế biến và sử dụng ở nhiều dạng khác nhau. Tuy nhiên sản xuất đậu xanh còn mang tính tự phát chưa được quy hoạch thành vùng sản xuất tập trung.

Nghệ An và Hà Tĩnh là hai tỉnh có diện tích sản xuất đậu xanh lớn ở vùng duyên hải Bắc Trung Bộ. Ở đây, đậu xanh được sản xuất chủ yếu trong vụ Hè Thu với phương thức trồng thuần là chủ yếu.

Diện tích sản xuất đậu xanh của tỉnh Hà Tĩnh biến động từ 11.076 - 11.857ha, năng suất đậu xanh trung bình 8,92 - 9,87 tạ/ha (số liệu thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2008 - 2011). Diện tích sản xuất đậu xanh của tỉnh Nghệ An biến động từ 5.136 - 9.866 ha, năng suất đậu xanh trung bình 6,75 - 8,31 tạ/ha (số liệu thống kê tỉnh Nghệ An 2008 - 2011). Qua đây cho thấy, năng suất đậu xanh trung bình của hai tỉnh những năm qua chỉ đạt 1/2 năng suất của các giống đậu xanh mới. Nguyên nhân chủ yếu là sản xuất đậu xanh của Nghệ An và Hà Tĩnh phụ thuộc hoàn toàn vào nước trời (đầu vụ hạn hán cuối vụ mưa nhiều đã ảnh hưởng đến năng suất đậu xanh) và chưa có giống đậu xanh năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: "Nghiên cứu phát triển một số giống đậu xanh triển vọng tại tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh" nhằm bổ sung giống mới năng suất cao, chống chịu tốt hơn với điều kiện thời tiết bất thuận và khả năng thích ứng rộng bổ sung vào cơ cấu giống hiện có của địa phương.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu

Vật liệu nghiên cứu bao gồm các giống đậu xanh triển vọng ĐX11; ĐX14; ĐX16; ĐX17; ĐX22; ĐXVN5; ĐXVN6; ĐXVN7 với giống đậu xanh V123 (Đ/C 2) và ĐP (Đ/C 1).

Người phản biện: GS.TSKH. Trần Đình Long.

Nguồn gốc giống đậu xanh tham gia thí nghiệm

TT	Tên giống	Nguồn gốc
1	ĐP (Đ/C1)	Giống đậu tằm địa phương
2	V123 (Đ/C2)	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ
3	ĐX11	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ
4	ĐX14	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ
5	ĐX16	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ
6	ĐX17	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ
7	ĐX22	Viện KHKTNN duyên hải Nam Trung Bộ
8	ĐXVN5	Viện nghiên cứu Ngô
9	ĐXVN6	Viện Nghiên cứu Ngô và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ
10	ĐXVN7	Viện Nghiên cứu Ngô và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh với 3 lần nhắc lại. Diện tích ô thí nghiệm là 10m² (2 × 5), khoảng cách gieo hàng cách hàng 45cm, hốc cách hốc 20cm, gieo 2 - 3 hạt/hốc (sau khi cây lên tỉa để 1 cây), mật độ 20 cây/m²).

- Phân bón cho 1 ha: 1 tấn phân hữu cơ vi sinh (HCVS) + 400 kg vôi bột + N:P:K tỷ lệ 40:60:40.

- Kỹ thuật bón phân và chăm sóc theo quy trình của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ.

- Phương pháp theo dõi đánh giá: Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống đậu xanh (QCVN 01-62: 2011/BNNPTNT).

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm hình thái của các giống đậu xanh triển vọng

Bảng 1. Đặc điểm hình thái của các giống đậu xanh triển vọng

Tên giống	Dạng thân	Kiểu ST	Hình dạng lá cuối	Màu sắc			Dạng hạt	Vỏ hạt
				Lá	Hoa	Hạt		
ĐP(Đ/C1)	Đứng	Hữu hạn	Thuôn bầu	X.đậm	Vàng	Xanh	Hình trụ	Mốc
V123 (Đ/C2)	Đứng	Bán hữu hạn	Bầu	X.nhạt	Vàng	Xanh	Hình trụ	Bóng
ĐX11	Đứng	Hữu hạn	Bầu	X.nhạt	Vàng	Xanh	Hình trụ	Bóng
ĐX14	Đứng	Hữu hạn	Bầu	Xanh	Vàng	Xanh	Hình trụ	Mốc
ĐX16	Đứng	Hữu hạn	Thuôn bầu	X.đậm	Vàng	Xanh	Hình trụ	Mốc
ĐX17	Đứng	Hữu hạn	Bầu	Xanh	Vàng	Xanh	Hình trụ	Bóng
ĐX22	Đứng	Bán hữu hạn	Bầu	Xanh	Vàng	Xanh	Hình trụ	Bóng
ĐXVN5	Đứng	Hữu hạn	Thuôn bầu	Xanh	V.tía	Xanh	Hình trụ	Mốc
ĐXVN6	Đứng	Hữu hạn	Bầu	X.đậm	V. tía	Xanh	Hình trụ	Bóng
ĐXVN7	Đứng	Hữu hạn	Thuôn bầu	Xanh	Vàng	Xanh	Hình trụ	Mốc

Kết quả trình bày ở bảng 1 cho thấy: Dạng hình sinh trưởng của các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm đều thuộc dạng hình sinh trưởng hữu hạn, chỉ có giống ĐX22 và V123 là kiểu hình sinh trưởng bán hữu hạn. Hình dạng lá cuối chủ yếu là thuôn bầu và bầu, lá có kiểu bầu gồm các giống V123; ĐX11; ĐX14; ĐX17; ĐX22; ĐXVN6. Màu sắc hạt của các giống đều màu xanh vỏ hạt đậu xanh có 2 dạng vỏ mốc và vỏ bóng. Vỏ mốc gồm các giống đậu tằm ĐP; ĐX14; ĐX16; ĐXVN5; ĐXVN7.

3.2. Thời gian sinh trưởng phát triển của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè

Kết quả nghiên cứu trình bày ở bảng 2 cho thấy: Thời gian từ mọc đến ra hoa của các giống biến động từ 31 - 37 ngày. Ở cả 2 điểm nghiên cứu, giống đậu xanh ĐX14 có thời gian từ mọc đến ra hoa dài nhất (37 ngày), giống đậu tằm và giống ĐX16 có thời gian từ mọc đến ra hoa ngắn nhất (31 ngày). Tại Nghệ An Thời gian sinh trưởng của các giống đậu xanh trong vụ Hè biến động từ 60 - 75 ngày. Tại Hà Tĩnh, thời gian sinh trưởng của các giống trong vụ Hè biến động 56 - 75 ngày.

Bảng 2. Thời gian sinh trưởng phát triển của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè (số liệu trung bình 2011 - 2012)

Tên giống	TGST tại Nghệ An (ngày)			TGST tại Hà Tĩnh (ngày)		
	Gieo - mọc	Mọc - ra hoa	TGST	Gieo - mọc	Mọc - ra hoa	TGST
ĐP(Đ/C 1)	4	31	60	4	31	56
V123 (Đ/C 2)	4	32	72	4	35	71
ĐX11	4	36	75	4	35	72
ĐX14	4	37	75	4	37	75
ĐX16	4	31	60	4	31	56
ĐX17	4	32	65	4	33	61
ĐX22	4	34	75	4	35	75
ĐXVN5	4	31	68	4	32	67
ĐXVN6	4	32	70	4	35	68
ĐXVN7	4	32	70	4	33	68

3.3. Một số đặc điểm sinh trưởng phát triển của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè

Bảng 3. Đặc điểm sinh trưởng phát triển của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè (Số liệu trung bình 2011 - 2012)

Tên giống	Nghệ An		Hà Tĩnh	
	Chiều cao cây (cm)	Số cành C1/cây	Chiều cao cây (cm)	Số cành C1/cây
ĐP (Đ/C 1)	45,67	0,33	56,33	0,11
V123 (Đ/C 2)	55,00	1,00	60,89	0,78
ĐX11	50,67	0,78	56,44	0,18
ĐX14	56,89	1,56	59,56	1,56
ĐX16	45,22	1,44	54,67	1,67
ĐX17	45,56	1,33	60,11	1,11
ĐX22	61,33	1,67	65,54	1,00
ĐXVN5	31,67	0,89	45,78	0,33
ĐXVN6	37,22	1,44	46,11	0,33
ĐXVN7	37,89	1,67	55,22	0,33

Chiều cao cây và số cành cấp 1/cây của các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm trong 2 vụ hè được trình bày ở bảng 3.

Tại Nghệ An, chiều cao cây của các giống biến động từ 31,22 - 61,33cm. Các giống đậu xanh có chiều cao cây thấp là ĐXVN5; ĐXVN6; ĐXVN7 chiều cao cây trung bình biến động từ

31,67 - 37,89cm thấp hơn chiều cao cây của 2 giống đối chứng. Giống có chiều cao cây trung bình cao nhất là giống ĐX22 đạt 61,33cm.

Tại Hà Tĩnh, chiều cao cây biến động từ 45,78 - 65,54cm. Giống đậu xanh ĐX22 có chiều cao cây đạt cao nhất là 65,54cm.

3.4. Mức độ chống đổ và nhiễm sâu bệnh hại của các giống đậu xanh trên đồng ruộng

Bảng 4. Mức độ chống đổ và nhiễm sâu bệnh hại đậu xanh trong vụ Hè (số liệu trung bình vụ Hè 2011; 2012 tại Nghệ An và Hà Tĩnh)

Tên giống	Chống đổ (điểm)	Lờ cổ rễ (điểm)	Đốm nâu (điểm)	Sâu cuốn lá (%)	Sâu đục quả (%)
ĐP (Đ/C1)	2,4	1,0	2,0	3,6	8,4
V123 (Đ/C2)	1,8	1,0	1,6	4,6	9,6
ĐX11	1,4	1,0	1,3	1,3	8,8
ĐX14	1,1	1,0	1,2	2,0	8,4
ĐX16	1,6	1,0	1,3	1,9	10,1
ĐX17	1,5	1,0	1,2	1,6	8,1
ĐX22	1,4	1,0	1,6	1,4	8,1
ĐXVN5	1,5	1,0	1,5	3,4	8,3
ĐXVN6	1,4	1,0	1,6	1,1	6,1
ĐXVN7	1,5	1,0	1,3	2,3	7,5

Kết quả đánh giá khả năng chống đở và mức độ nhiễm sâu bệnh được trình bày trong bảng 4 cho thấy:

- Khả năng chống đở của các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm đều đạt cao hơn so với giống đối chứng đậu tằm ĐP và biến động từ 1,1 - 1,6 điểm trong đó giống đậu xanh ĐX14 có khả năng chống đở tốt nhất điểm 1,1.

- Mức độ nhiễm bệnh đốm nâu của các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm đều cao hơn so với giống đối chứng đậu tằm ĐP, trong đó giống đậu xanh ĐX14 có khả năng kháng bệnh đốm nâu là cao nhất đạt 1,2 điểm.

- Đánh giá mức độ gây hại của sâu cuốn lá và sâu đục quả đậu xanh, cho thấy: Sâu cuốn lá mức độ bị hại ở các giống là khác nhau. Hai giống đối chứng đậu tằm ĐP và V123 mức độ gây hại của sâu cuốn lá là lớn nhất 3,6 và 4,6% trong đó các giống còn lại mức độ gây hại của sâu cuốn lá chỉ biến động từ 1,1 - 3,4%.

3.5. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống đậu xanh

3.5.1. Các yếu tố cấu thành năng suất

Trong điều kiện khí hậu thời tiết, điều kiện đất đai, dinh dưỡng và tác động các biện pháp kỹ thuật canh tác giống nhau, năng suất phụ thuộc vào tiềm năng của từng giống cụ thể.

Bảng 5. Các yếu tố cấu thành năng suất của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè (số liệu trung bình vụ Hè 2011, 2012)

Tên giống	Số quả/cây		Số hạt/quả		Khối lượng 1.000 hạt (g)	
	Nghệ An	Hà Tĩnh	Nghệ An	Hà Tĩnh	Nghệ An	Hà Tĩnh
ĐP (Đ/C 1)	10,39	9,65	11,05	11,00	49,60	49,64
V123 (Đ/C 2)	15,72	10,97	11,90	10,65	62,91	64,32
ĐX11	17,20	13,51	12,45	11,30	61,65	63,30
ĐX14	17,82	18,29	12,65	13,35	61,45	63,57
ĐX16	15,01	15,03	11,90	12,30	57,23	59,94
ĐX17	17,69	13,18	12,45	12,25	54,34	54,04
ĐX22	16,69	16,49	12,40	12,15	62,49	64,65
ĐXVN5	11,06	16,24	11,14	11,05	54,71	54,39
ĐXVN6	12,63	17,02	10,85	10,70	55,84	56,77
ĐXVN7	14,21	16,57	11,52	11,60	54,41	53,04

Số quả/cây là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng suất đậu xanh. Kết quả trình bày ở bảng 5 cho thấy: Tại Nghệ An giống đối chứng ĐP là giống có số quả/cây thấp nhất (10,39 quả/cây), cao nhất là giống ĐX14 (17,82 quả/cây), các giống còn lại dao động từ 12,63 đến 17,69 quả/cây. Tại Hà Tĩnh giống có số quả/cây cao nhất là giống ĐX14 (18,29 quả/cây), thấp nhất là giống đối chứng 1 (9,65 quả/cây) các giống còn lại có số quả/cây dao động từ 10,97 đến 17,02 quả/cây. Số hạt /quả của giống ĐX14 đạt cao nhất ở cả 2 điểm Nghệ An và Hà Tĩnh đạt 12,65 và 13,35 hạt/quả.

Khối lượng 1000 hạt của các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm dao động từ 49,6 đến 62,91g tại Nghệ An, trong đó thấp nhất là giống đối

chứng 1, cao nhất là giống đối chứng 2. Tại Hà Tĩnh khối lượng 1000 hạt của các giống dao động từ 49,64 đến 64,65g, trong đó thấp nhất là giống đối chứng 1, cao nhất là giống ĐX22.

3.5.2. Năng suất thực thu của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè

Năng suất đậu xanh trên đơn vị diện tích phụ thuộc vào năng suất của từng cây (năng suất cá thể) và năng suất cả ruộng (năng suất quần thể). Tuy nhiên, năng suất cá thể hay quần thể cũng đều dựa vào các yếu tố cấu thành năng suất như số quả/cây, số hạt/quả, khối lượng 1000 hạt,... của chính giống đó quyết định. Số liệu trong thí nghiệm của chúng tôi tại bảng 6 cũng cho thấy sự phù hợp đó.

Bảng 6. Năng suất thực thu của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè (tạ/ha)

Tên giống	Nghệ An			Hà Tĩnh		
	2011	2012	TB	2011	2012	TB
ĐP (Đ/C 1)	11,40	10,84	11,12	10,30	9,50	9,90
V123 (Đ/C 2)	19,34	17,63	18,49	12,80	10,83	11,82
ĐX11	18,00	20,09	19,05	14,20	15,52	14,86
ĐX14	20,34	21,25	20,80	18,60	21,07	19,84
ĐX16	19,67	15,82	17,75	14,50	15,45	14,98
ĐX17	20,00	17,04	18,52	16,20	17,55	16,88
ĐX22	17,34	20,11	18,73	18,30	18,87	18,59
ĐXVN5	12,67	12,04	12,36	13,50	15,38	14,44
ĐXVN6	15,34	11,78	13,56	14,10	15,24	14,67
ĐXVN7	16,00	16,37	16,19	17,60	18,33	17,97
CV (%)	5 . 17	6 . 35		6 . 35	6 . 55	
LSD ₀₅	1 . 50	1 . 77		1 . 63	1 . 77	

Năng suất thực thu của các giống đậu xanh trong vụ Hè 2011 tại Nghệ An biến động từ 11,40 - 20,34 tạ/ha. Ở mức so sánh LSD 5% các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm đều có sai khác có ý nghĩa so với giống đối chứng 1 ĐP và đạt cao hơn so với đối chứng 1 từ 3,94 - 8,94 tạ/ha (trừ giống ĐXVN5). Giống đậu xanh ĐX14 đạt năng suất thực thu cao nhất 20,34 tạ/ha cao hơn so với Đ/C 1 8,94 tạ/ha. Trong vụ Hè 2012 tại Nghệ An năng suất thực thu của các giống tham gia thí nghiệm biến động từ 10,84 - 21,25 tạ/ha. Ở mức so sánh LSD 5% so với Đ/C 1 có các giống sai khác có ý nghĩa là ĐX14, ĐX11, ĐX17, ĐX16, ĐXVN7, ĐX22 năng suất đạt cao hơn so với Đ/C 1 từ 4,98 - 10,41 tạ/ha. Cũng ở mức so sánh LSD 5% so với Đ/C 2 chỉ có các giống ĐX14, ĐX22, ĐX11 là có sai khác có ý nghĩa so với Đ/C 2 và đạt cao hơn từ 2,46 - 3,62 tạ/ha. Giống đậu xanh ĐX14 đạt năng suất cao nhất 21,25 tạ/ha.

Tại Hà Tĩnh năng suất thực thu của các giống đậu xanh trong vụ Hè 2011 biến động từ

10,30 - 18,60 tạ/ha. Với mức so sánh LSD 5% so với Đ/C 1 các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm đều có sai khác có ý nghĩa và cao hơn từ 2,50 - 8,30 tạ/ha. Cùng ở mức so sánh LSD 5% so với Đ/C 2 chỉ có các giống ĐX14, ĐX22, ĐXVN7, ĐX17, ĐX16 là có sai khác có ý nghĩa và cao hơn Đ/C2 từ 3,4 - 5,8 tạ/ha. Giống đậu xanh ĐX14 đạt năng suất thực thu cao nhất là 18,60 tạ/ha. Trong vụ Hè 2012 các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm đều có sự sai khác có ý nghĩa ở mức so sánh LSD 5% đối với cả 2 đối chứng. Giống đậu xanh ĐX14 đạt năng suất thực thu cao nhất 21,07 tạ/ha.

3.6. Hàm lượng dinh dưỡng của các giống đậu xanh triển vọng

Đánh giá hàm lượng dinh dưỡng với mục tiêu tuyển chọn cho vùng nghiên cứu được giống đậu xanh có năng suất chất lượng thích hợp với điều kiện sinh thái vùng.

Bảng 7. Hàm lượng dinh dưỡng của các giống đậu xanh triển vọng

Tên giống	Protein tổng số (%)	Lipid thô (%)	% Chất khô
ĐP(Đ/C1)	23,56	0,68	90,71
V123 (Đ/C 2)	22,40	0,92	91,03
ĐX11	22,12	0,66	90,58
ĐX14	23,50	1,26	89,37
ĐX16	22,05	0,96	90,47
ĐX17	24,25	0,96	90,21
ĐX22	23,86	0,49	90,45
ĐXVN5	21,24	0,84	90,85
ĐXVN6	22,83	0,89	89,16
ĐXVN7	22,91	0,46	90,46

Ghi chú: Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm - Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ Sau thu hoạch.

Kết quả trình bày ở bảng 7 cho thấy: Hàm lượng Protein tổng số của các giống tham gia thí nghiệm biến động từ 21,24 - 24,25%. Giống ĐX17, ĐX14, ĐX22 có hàm lượng protein tổng số cao tương đương so với giống đậu tằm địa phương.

Hàm lượng lipid thô của các giống đậu xanh biến động từ 0,46 - 1,26% giống đậu xanh ĐX14 có hàm lượng mỡ thô cao nhất đạt 1,26%.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Thời gian sinh trưởng của các giống đậu xanh trong vụ Hè năm 2011, 2012 biến động từ 56 - 75 ngày. Giống đậu xanh ĐX16 có TGST ngắn nhất - ngắn hơn giống đậu tằm địa phương; ĐX17 có thời gian sinh trưởng ngắn tương đương so với giống đậu tằm địa phương.

- Khả năng chống đổ và mức độ nhiễm bệnh đốm nâu trong điều kiện vụ Hè 2011 và 2012 tại hai điểm nghiên cứu Nghệ An và Hà Tĩnh giống đậu xanh ĐX14 luôn thể hiện khả năng chống đổ khá và nhiễm nhẹ bệnh đốm nâu.

- Số quả trên cây các giống đậu xanh triển vọng đều đạt cao hơn giống đậu tằm địa phương. Giống đậu xanh ĐX14 đạt số quả trên cây cao nhất qua các năm ở cả 2 điểm nghiên cứu và đạt 17,82 quả/cây và 18,29 quả/cây ở Nghệ An và Hà Tĩnh.

- Năng suất đậu xanh trung bình tại Nghệ An qua 2 năm cao hơn so với Đ/C 1 từ 1,24 - 9,68 tạ/ha. Giống đậu xanh ĐX14 đạt năng suất trung bình cao nhất 20,80 tạ/ha và giống đậu xanh ĐX11 năng suất đạt 19,05 tạ/ha. Tại Hà Tĩnh năng suất các giống đậu xanh tham gia khảo nghiệm đều đạt cao hơn so với giống đối chứng đậu tằm địa phương ở mức sai khác có ý nghĩa LSD 5% và cao hơn từ 4,54 - 9,94 tạ/ha. Giống đậu xanh ĐX14 đạt năng suất thực thu cao nhất

19,84 tạ/ha và giống đậu xanh ĐX22 năng suất đạt 18,59 tạ/ha.

- Hàm lượng Protein tổng số của các giống tham gia thí nghiệm biến động từ 21,24 - 24,25%. Giống ĐX17, ĐX14, ĐX22 có hàm lượng protein tổng số cao tương đương so với giống đậu tằm địa phương. Hàm lượng lipid thô của các giống đậu xanh biến động từ 0,46 - 1,26% giống đậu xanh ĐX14 có hàm lượng lipid thô cao nhất đạt 1,26%.

4.2. Đề nghị

Giống đậu xanh ĐX14 luôn thể hiện những đặc tính ưu việt về sinh trưởng phát triển (Sinh trưởng khỏe, chống đổ tốt, chống chịu sâu bệnh khá...) đặc biệt năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐX14 luôn đạt cao nhất và ổn định qua các năm tại 2 điểm nghiên cứu. Kính đề nghị hội đồng khoa học cho phép mở rộng sản xuất tại 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và các tỉnh khác có điều kiện sinh thái tương tự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2011). Qui chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống đậu xanh, Bộ Nông nghiệp & PTNT.
2. Nguyễn Thế Côn (1996). Nghiên cứu khả năng phát triển cây họ Đậu ăn hạt ngắn ngày vụ Hè, Hè Thu vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Luận án PTSNN, Hà Nội.
3. Trần Đình Long, Lê Khả Tường (1998). Cây đậu xanh, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Đoàn Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Bình, Vũ Đình Chính, Nguyễn Thế Côn, Lê Song Dư, Bùi Xuân Sứu (1996). Giáo trình Cây Công nghiệp, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Quát (2008). Nghiên cứu phát triển một số dòng giống đậu xanh triển vọng cho vùng đồng bằng sông Hồng, Luận văn thạc sĩ Nông nghiệp.



Hình ảnh một số giống đậu xanh triển vọng